

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THẾ  
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13/9/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình  
về ly hôn, nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Toàn

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Lục Việt Sang

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Triệu Quang Hưng-Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh [Vũ Văn B](#), sinh năm 1990. Địa chỉ: [Thôn Đ, xã A, huyện M, Thành phố Hà Nội](#)- Có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị [Nguyễn Thị Q](#), sinh năm 1993. Địa chỉ: [Thôn H, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#)- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh [Vũ Văn B](#)) trình bày:

Anh và chị [Nguyễn Thị Q](#) cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã A, huyện M, thành phố Hà Nội](#) vào ngày 24/3/2011. Sau khi cưới chị [Q](#) đã chuyển khẩu về gia đình anh [B](#) ngay, vợ chồng chung sống cùng với gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ

chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau về cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị Q đã chuyển ra khỏi nhà anh B từ tháng 10/2023 cùng với 02 con chung của vợ chồng về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại: Thôn H, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh B xác định không còn tình cảm gì với chị Q, vì vậy anh B đã làm đơn xin ly hôn chị Q, đề nghị Tòa giải quyết để vợ chồng anh B được ly hôn.

- Về con chung: Anh B xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/01/2016 và cháu Vũ Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2019, hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị Q tại Thôn H, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, các cháu vẫn học tập và phát triển bình thường. Ly hôn giữa anh B và chị Q đã thỏa thuận về việc nuôi con và anh B đồng ý để chị Q nuôi cả 02 con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con anh B và chị Q tự thỏa thuận, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn (chị Nguyễn Thị Q) trình bày:* Việc kết hôn như anh B trình bày là đúng. Chị Q kết hôn với anh B vào ngày 24/3/2011, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn chị Q về nhà anh B làm dâu ngay. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hay cãi cọ nhau. Đến ngày 12/01/2024 do mâu thuẫn căng thẳng nên chị Q đã chuyển ra khỏi nhà anh B về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn H, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh B có đơn xin ly hôn, chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị Q có 02 con chung là Vũ Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/01/2016 và cháu Vũ Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/12/2019, hiện nay cả 02 cháu đều đang ở cùng chị Q tại thôn H, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, các cháu vẫn học tập và phát triển bình thường. Ly hôn giữa chị Q và anh B đã thỏa thuận về việc nuôi con, anh B đồng ý để chị Q trực tiếp nuôi cả 02 con chung của vợ chồng. Hiện nay thu nhập của chị Q là 12.000.000đ/1 tháng, ngoài ra còn có hỗ trợ của mẹ chị Q nên có thể nuôi dưỡng các con trong điều kiện tốt nhất, đề nghị Tòa án chấp nhận theo thỏa thuận của anh B và chị Q về việc nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con chị Q và anh B tự thỏa thuận, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị Q và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn chưa chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh [Vũ Văn B](#) được ly hôn chị [Nguyễn Thị Quỳnh](#).

Về con chung: Giao chị [Nguyễn Thị Q](#) trực tiếp nuôi 02 con chung của vợ chồng là cháu [Vũ Nguyễn Ngọc H](#), sinh ngày 26/01/2016 và cháu [Vũ Nguyễn Anh T](#), sinh ngày 29/12/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh [Vũ Văn B](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [Q](#) cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh [Vũ Văn B](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh [Vũ Văn B](#) phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005035 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận Anh [B](#) đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện của anh [Vũ Văn B](#) đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh [Vũ Văn B](#) và chị [Nguyễn Thị Q](#) đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 238; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

#### **[2]. Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. Về quan hệ hôn nhân: Anh [Vũ Văn B](#) và chị [Nguyễn Thị Q](#) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại [UBND xã A, huyện M, Thành phố Hà Nội](#) được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh [B](#) thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng anh [B](#), chị [Q](#) từ khi kết hôn có một thời gian chung sống hoà thuận. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc vợ

chồng bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày. Do mâu thuẫn căng thẳng, chị **Q** đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 01/2024, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi mối quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh **B** xin ly hôn, chị **Q** cũng đồng ý. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **B** và chị **Q** đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh **B** được ly hôn chị **Q** là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh **B** cần được chấp nhận.

[2].3. *Về con chung*: Anh **B** và chị **Q** đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu **Vũ Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 26/01/2016 và cháu **Vũ Nguyễn Anh T**, sinh ngày 29/12/2019. Hiện nay cháu **H** và cháu **T** đang ở cùng chị **Q**, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn anh **B** và chị **Q** đều đề nghị giao cho chị **Q** được trực tiếp nuôi cả 02 con. Xét thấy hiện nay các cháu vẫn ở với chị **Q** từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, các cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng chị **Q**. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của các cháu cũng như nguyện vọng của các bên đương sự, cần giao cho chị **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung của vợ chồng là phù hợp, vì vậy yêu cầu của chị **Q** về việc nuôi con cần được chấp nhận.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: Anh **B** và chị **Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3]. *Về án phí*: Anh **Vũ Văn B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Vũ Văn B** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Quỳnh**.

Về con chung: Giao chị **Nguyễn Thị Q** trực tiếp nuôi 02 con chung của vợ chồng là cháu **Vũ Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 26/01/2016 và cháu **Vũ Nguyễn Anh T**, sinh ngày 29/12/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh **Vũ Văn B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **Q** cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh **Vũ Văn B** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh **Vũ Văn B** phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005035 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận Anh **B** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
  - VKSND huyện Yên Thế;
  - VKSND Tỉnh Bắc giang;
  - Chi cục THADS huyện Yên Thế;
  - UBND xã An Phú, huyện Mỹ Đức,
- Thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
  - Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
  - Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Toàn**